

## TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 11 và 11 tháng năm 2015

### I. CÔNG NGHIỆP

Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng trưởng với chỉ số IIP tháng 11 ước tăng 4,7% so tháng 10, trong đó công nghiệp chế biến tăng 4,5%; sản xuất phân phối điện tăng 3,2% và khai thác phân phối nước, xử lý chất thải tăng 10,1%. Những ngành có chỉ số tăng so với tháng trước: sản xuất giấy (+23,4%); dệt (+21,1%); sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (+13,9%); sản xuất kim loại (+15,4%); sản xuất máy móc thiết bị (+16%)... Những ngành có chỉ số giảm so với tháng trước: sản xuất xe có động cơ (-5,4%); sản xuất giường tủ bàn ghế (-1,4%); phương tiện vận tải khác (-2,9%)...

So với tháng 11/2014, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 12,8%.

**Tính chung 11 tháng đầu năm chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 7,7% so với cùng kỳ năm 2014**, cao hơn chỉ số của năm trước (chỉ số năm trước: +6,8%). Trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,9%; sản xuất và phân phối điện tăng 6,5%; sản xuất và phân phối nước, xử lý chất thải tăng 12,3%. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

#### Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Tháng 11 so với tháng 10	Đơn vị tính: % 11 tháng so với cùng kỳ 2014
<b>Tổng số</b>	<b>104,7</b>	<b>107,7</b>
<b>Chia theo ngành cấp 1</b>		
1. Công nghiệp khai khoáng	173,4	14,1
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	104,5	107,9
3. SX và phân phối điện	103,2	106,5
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	110,1	112,3
<b>Một số ngành chủ yếu</b>		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	108,6	109,1
2. Sản xuất đồ uống	105,0	111,9
3. Sản xuất trang phục	105,5	107,2
4. Sản xuất da và SP liên quan	106,5	112,6
5. SX hóa chất và SP hóa chất	108,3	104,6
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	104,1	101,4
7. SP. từ khoáng phi kim loại	97,1	119,9
8. Sản xuất SP điện tử	97,6	105,9
9. Sản xuất thiết bị điện	110,0	111,7
10. Sản xuất xe có động cơ	94,6	157,0

Theo ngành công nghiệp cấp 2, có 23/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó **một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao** như: sản xuất xe có động cơ (+57%); hoạt động thu gom, xử lý rác thải (+25,6%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+19,9%); sản xuất sản phẩm da (+12,6%); sản xuất thiết bị điện (+11,7%); sản xuất đồ uống (+11,9%). **Một số ngành có mức tăng khá:** chế biến thực phẩm (9,1%); trang phục (+7,2%); sản xuất kim loại (+5,3%); sản xuất và phân phối điện (+6,5%); sản xuất sản phẩm điện tử (+5,9%); sản xuất hóa chất (+4,6%). **Các ngành giảm gồm:** khai thác đá (-85,9%); máy móc thiết bị khác (-4,4%) sản xuất giường tủ bàn ghế (-8,5%).

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 11 tăng 3,9% so với tháng trước; so với tháng 11/2014 tăng 11,6%. Ước 11 tháng tăng 8,1%, cao hơn mức tăng chung của toàn ngành, bao gồm: ngành chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 10,7%; ngành hóa dược tăng 2,7%; ngành sản xuất điện tử tăng 5,9%; ngành cơ khí tăng 12,4% trong đó sản xuất xe tăng 57,0%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 10/2015 tăng 3,7% so với tháng trước; tăng 24,4% so tháng cùng kỳ; cộng dồn 10 tháng đầu năm tăng 6,1% so với năm trước. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ 10 tháng tăng cao so với cùng kỳ: sản xuất đồ uống (+14,4%), vật liệu xây dựng (+17,9%); sản phẩm điện tử (+37,4), sản xuất xe và phương tiện vận tải khác (+82,6%). Các ngành có chỉ số tiêu thụ giảm gồm: thuốc lá, dệt, sản phẩm cao su plastic, kim loại.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/10 giảm 4% so với cùng thời điểm năm trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao: sản xuất đồ uống; dệt; may; da giày; thuốc hóa dược liệu... Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: sản xuất giấy; in; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; hóa chất, sản xuất xe có động cơ; máy móc thiết bị khác.

## II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

### 1. Nông nghiệp

#### 1.1. Trồng trọt

Sản xuất vụ mùa: tổng diện tích gieo trồng đạt 12.968 ha, giảm 4,3% so với vụ mùa năm trước. Trong đó, diện tích lúa 8.178 ha, giảm 6,9%, sản lượng đạt 32.491 tấn, năng suất đạt 39,7 tạ/ha; rau 3.126 ha, giảm 0,2%, sản lượng đạt 76.583 tấn; đậu phộng 76 ha, tương đương cùng kỳ; mía trồng mới 296 ha, giảm 13,5% so cùng kỳ.

#### Sơ bộ kết quả vụ mùa 2015

	Vụ mùa 2015			% so với vụ mùa 2014		
	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
<b>Tổng số</b>	<b>12.968</b>			<b>95,7</b>		
Lúa	8.178	39,7	32.491	93,1	101,0	94,3
Bắp	231	26,9	621	98,3	98,9	97,0
Rau	3.126	245	76.583	99,8	100,2	100,0
Đậu phộng	76	25	191	100,0	100,0	100,0
Mía trồng mới	296	-	-	86,5	-	-

Vụ đông xuân 2015-2016: đã xuống giống 90 ha lúa, bằng 75% so với tiến độ gieo trồng cùng kỳ năm trước.

Tình hình sinh vật gây hại trên cây trồng: đến cuối tháng 10, diện tích lúa nhiễm sinh vật hại là 10.407 lượt ha, thấp hơn 805 lượt ha so với cùng kỳ; rau 8.221 lượt ha, cao hơn 380 lượt ha; hoa lan, cây kiềng 593 lượt ha, cao hơn 238 lượt ha so với cùng kỳ.

**1.2. Chăn nuôi:** Theo kết quả điều tra chăn nuôi tại thời điểm 1/10/2015, đàn trâu 5.472 con, giảm 0,9% so với cùng thời điểm năm trước. Đàn bò 130,6 ngàn con, tăng 0,7%; trong đó, bò sữa chiếm 79,3%, tăng 0,4%. Đàn heo 307,7 ngàn con, tăng 5,7%. Đàn gia cầm 786 ngàn con, gấp đôi so với cùng thời điểm năm trước; chủ yếu là gà công nghiệp được nuôi tập trung tại các hộ gia công cho công ty Cổ phần CP và trang trại gà Củ Chi 1, Củ Chi 2.

## 2. Lâm nghiệp

Thành phố tiếp tục xây dựng, phục hồi, sử dụng và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất với tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện nay là 36,7 ngàn ha .

Từ đầu năm đến nay, trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy đã tổ chức 1.019 lượt; kiểm tra truy quét ngăn chặn săn bắt động vật hoang dã 113 lượt; trong công tác quản lý gây nuôi đã kiểm tra 438 lượt.

## 3. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản tháng 11 ước đạt 7.603,8 tấn, tăng 14,4% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng nuôi trồng 5.165,8 tấn, tăng 16% so tháng cùng kỳ; sản lượng khai thác 2.438 tấn, tăng 11% so với tháng cùng kỳ.

Sản lượng thủy sản 11 tháng ước đạt 48.019,8 tấn, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thủy sản nuôi trồng 31.985,9 tấn tăng 7,6%; trong đó, cá 5.914,8 tấn, tăng 13,4%, sản lượng nghêu 72,7 tấn, tăng gấp 4 lần so với cùng kỳ. Sản lượng thủy sản khai thác 16.033,9 tấn giảm 2,4%.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 10/11/2015, đã có 601 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 163,6 triệu con giống trên diện tích 3.235,5 ha. Tôm thẻ chân trắng có 2.036 lượt hộ thả nuôi với 714,5 triệu con giống trên diện tích 1.588,8 ha.

Dịch bệnh trên tôm: tính từ đầu năm đến nay, đã có 313 lượt hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 260,9 ha làm thiệt hại 125,2 triệu con giống. Có 131 hộ với 89,3 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

## III. VỐN ĐẦU TƯ

### 1. Đầu tư xây dựng

**Vốn đầu tư XDCB và sửa chữa lớn trên địa bàn 11 tháng ước thực hiện 214.715 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 11%; so với kế hoạch năm đạt 84,7% (11 tháng năm 2014 tăng 7,2%).**

**Trong đó vốn ngân sách thành phố 14.888,4 tỷ đồng, tăng 1,2% so với cùng kỳ và đạt 77,2% kế hoạch năm (11 tháng cùng kỳ tăng 0,5%).** Cấp thành phố ước thực hiện 8.252,4 tỷ đồng, chiếm 55,4%, so với cùng kỳ bằng 95%; cấp quận huyện ước thực hiện 6.636 tỷ đồng, chiếm 44,6%, so với cùng kỳ tăng 10,2%.

## Vốn đầu tư thuộc ngân sách thành phố

	Ước thực hiện 11 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Cùng kỳ năm 2014
<b>Tổng vốn đầu tư</b>	<b>14.888,4</b>	<b>77,2</b>	<b>101,2</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	622,5	75,6	83,0
<b>Cấp thành phố</b>	<b>8.252,4</b>	<b>71,2</b>	<b>95,0</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	235,9	83,4	46,5
<b>Cấp quận huyện</b>	<b>6.636,0</b>	<b>73,1</b>	<b>110,2</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	386,6	71,5	159,7

Số lượng vốn đầu tư ước thực hiện cho những tháng cuối năm tăng cao so với các tháng trước, cụ thể: tháng 11 so với tháng 10 tăng 36,6%; so với tháng 9 tăng 10,1%. Trong đó tập trung vào các dự án thoát nước chống ngập, dự án cầu đường trọng điểm...

### Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm có sử dụng vốn ngân sách thành phố:

- Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất - Bình Lợi – Vành đai ngoài (Phạm Văn Đồng): Hiện còn vướng giải tỏa đoạn đầu tuyến từ đường Trường Sơn đến Nguyễn Thái Sơn.

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: đang thi công các trụ móng đoạn từ quận 2 đến quận 9 tiếp giáp với tỉnh Bình Dương và cầu qua sông Sài Gòn. Hiện trên toàn tuyến đã ghép nối thành công được 43 nhịp dầm đường; riêng đoạn từ cầu Sài Gòn đến ngã ba Cát Lái đã nối ghép được 28 nhịp.

### 2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến ngày 31/10, toàn thành phố đã cấp 45.285 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 9.018,8 ngàn m<sup>2</sup>. Trong đó cấp cho xây dựng mới 44.640 giấy phép, với diện tích 8.956,2 ngàn m<sup>2</sup> và 645 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 62,6 ngàn m<sup>2</sup>.

So với cùng kỳ tăng 10,4% về giấy phép (+4.256 giấy phép) và tăng 18,9% về diện tích (+1.432,7 ngàn m<sup>2</sup>).

### 3. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/11, đã có 496 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn thành phố với vốn đăng ký đạt 2.480,4 triệu USD. Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 380 dự án, vốn đầu tư 882,1 triệu USD; liên doanh 115 dự án, vốn đầu tư 1.597,7 triệu USD; hợp đồng hợp tác kinh doanh 1 dự án, vốn đầu tư 582 ngàn USD.

**Chia theo lĩnh vực đầu tư:** hoạt động kinh doanh bất động sản 9 dự án, vốn đầu tư 1.451,5 triệu USD, chiếm 58,5% tổng vốn đăng ký cấp mới; công nghiệp 53 dự án, vốn đầu tư 582,5 triệu USD (chiếm 23,5%); thương mại 153 dự án, vốn đầu tư 170,9 triệu USD (chiếm 6,9%); hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ 105 dự án, vốn đầu tư 139,6 triệu USD; xây dựng 32 dự án, vốn đầu tư 67,1 triệu USD; vận tải kho bãi 25 dự án, vốn đầu tư 24,3 triệu USD; thông tin truyền thông 81 dự án, vốn đầu tư 22,6 triệu USD;...

**Chia theo đối tác đầu tư:** đã có 46 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn; trong đó, Anh dẫn đầu về vốn đầu tư với 9 dự án, số vốn 1.202,3 triệu USD, chiếm 48,5% tổng vốn đăng ký cấp mới; Hàn Quốc 105 dự án, vốn đầu tư 268,9 triệu USD (chiếm 10,8%); Singapore 72 dự án, vốn đầu tư 117,8 triệu USD; Nhật Bản 94 dự án, vốn đầu tư 88 triệu USD (chiếm 3,6%); Hoa Kỳ 23 dự án, vốn đầu tư 90,3 triệu USD; British Virgin Islands 9 dự án, vốn đầu tư 306,7 triệu USD (chiếm 12,4%); Cayman Islands 2 dự án, vốn đầu tư 118,9 triệu USD; Ấn Độ 7 dự án, vốn đầu tư 48,4 triệu USD; Brazil 1 dự án, vốn đầu tư 57,4 triệu USD; Trung Quốc 16 dự án, vốn đầu tư 29,1 triệu USD; Đài Loan 19 dự án, vốn đầu tư 7,6 triệu USD;...

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 131 dự án, số vốn tăng 672 triệu USD. **Tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và điều chỉnh đến ngày 15/11 đạt 3.152,4 triệu USD** (cùng kỳ năm trước đạt 3.149,8 triệu USD). Giải thể, chuyển đi tỉnh thành và chấm dứt hoạt động 22 dự án, vốn đầu tư 72,1 triệu USD.

#### **4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động**

##### **a. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn nước ngoài)**

Tính từ đầu năm đến 15/11 đã có 28.151 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 29,9% so với cùng kỳ năm trước, tương đương 6.482 doanh nghiệp; trong tổng số gồm: 861 doanh nghiệp tư nhân, 2.991 công ty cổ phần và 24.299 công ty TNHH. Tổng vốn đăng ký thành lập 178.241 tỷ đồng, tăng 52,7% cùng kỳ năm trước, vốn bình quân 1 doanh nghiệp đạt 6,3 tỷ đồng tăng 17,5% so cùng kỳ. Xét theo các khu vực kinh tế, khu vực nông lâm thủy sản tăng 38% về số lượng doanh nghiệp và giảm 36,8% về vốn; công nghiệp tăng 22,8% về doanh nghiệp và tăng 21,2% về vốn; xây dựng tăng 40,6% về doanh nghiệp và 2,04 lần về vốn; khu vực dịch vụ tăng 29,7% về doanh nghiệp và tăng 46,2% về vốn.

##### **b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động**

Theo cơ quan Thuế thành phố, 10 tháng đầu năm có 19.094 doanh nghiệp ngưng nghỉ hoạt động, bằng 57,2% số doanh nghiệp tăng trong kỳ (bao gồm doanh nghiệp được cấp mã số thuế mới là 27.095 và số doanh nghiệp tái hoạt động sau thời gian ngưng nghỉ là 6.262). So với 10 tháng cùng kỳ, số doanh nghiệp ngưng nghỉ giảm 6,9%. Trong tổng số 19.094 doanh nghiệp ngừng hoạt động có 130 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bằng 69,5% số cùng kỳ và 18.924 doanh nghiệp ngoài nhà nước bằng 93,2% so cùng kỳ.

## **IV. NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ TIÊU DÙNG**

### **1. Nội thương**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11 ước đạt 60.939 tỷ đồng, tăng 5,2% so tháng trước, tăng 8,9% so với tháng cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng khá cao, do tháng 11 bắt đầu mùa mua sắm cuối năm, mùa cưới...nên sức mua cao hơn những tháng trước.

**Ước tính 11 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 611.534,6 tỷ đồng, tăng 10,5% so cùng kỳ, loại trừ yếu tố giá tăng 10,2% (cùng kỳ năm trước loại trừ giá tăng 7,3%).**

*Chia theo thành phần kinh tế:* Kinh tế nhà nước 78.700,8 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 12,9%, tăng 1,4%; Kinh tế ngoài nhà nước 491.863,6 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng

80,4%, tăng 12,2%; Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 40.970,1 tỷ đồng, chiếm 6,7%, tăng 10,2% so cùng kỳ.

*Chia theo ngành kinh tế:*

**a. Thương nghiệp bán lẻ hàng hóa:** tháng 11 đạt 49.609 tỷ đồng, tăng 5,8% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đạt 489.984,1 tỷ đồng, tăng 11,1%.

Trong đó nhóm hàng lương thực, thực phẩm chiếm 17,9%, tăng 8,8%; May mặc chiếm 6,7%, tăng 6,1%; Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình chiếm 18,6%, tăng 10%; Xăng dầu chiếm 9,1%, tăng 5,9%; Phương tiện đi lại chiếm 6,9%, tăng 1%. Riêng mặt hàng xe ô tô tăng 65,4% so cùng kỳ. Mặt hàng đá quý, kim loại quý chiếm 5,8%, tăng 35%.

**b. Dịch vụ lưu trú và ăn uống:** ước tính doanh thu tháng 11 đạt 6.056,1 tỷ đồng, tăng 4,1% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đạt 66.204,3 tỷ đồng, tăng 6,2% so cùng kỳ. Trong đó dịch vụ lưu trú tăng 10,2%; Dịch vụ ăn uống tăng 5,8%.

**c. Du lịch:** tháng 11 ước đạt 1.543 tỷ đồng, giảm 2,3% so tháng trước. Ước tính 11 tháng 16.949,5 tỷ đồng, tăng 9,7% so cùng kỳ.

**d. Dịch vụ tiêu dùng khác:** Doanh thu tháng 11 ước đạt 3.731 tỷ đồng, tăng 2,7% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đạt 39.396,7 tỷ đồng, tăng 10,8% so cùng kỳ.

## **2. Chỉ số giá**

### **2.1 Giá tiêu dùng**

**Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11 tăng 0,10% so tháng 10** với 7 nhóm hàng tăng nhẹ so tháng trước gồm: nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống; nhóm đồ uống và thuốc lá; nhóm nhà ở điện nước chất đốt; nhóm thiết bị đồ dùng gia đình; nhóm thuốc dịch vụ y tế; nhóm giáo dục và nhóm văn hóa giải trí du lịch, nhóm may mặc giày dép không biến động, các nhóm còn lại đều giảm so tháng trước với mức giảm dưới 1%.

Một số tình hình cụ thể về biến động giá trong tháng như sau:

**Nhóm hàng ăn:** Tăng nhẹ so tháng trước 0,03%, trong đó: nhóm lương thực giảm 0,29%, nhóm thực phẩm không biến động và nhóm hàng ăn uống ngoài gia đình tăng 0,13%.

+ Lương thực: Tháng 11 giá lương thực tiếp tục giảm 0,29% so tháng trước, trong đó: gạo các loại giảm 0,38%; bột mì ngũ cốc tăng 3,20%; lương thực chế biến giảm 0,52%. Nếu so với đầu năm giá lương thực giảm 1,24%.

+ Nhóm thực phẩm: Tháng 11/2015 giá thực phẩm nhìn chung ổn định sau khi tăng khá ở tháng 10 (+0,77%). Trong đó: các nhóm mặt hàng biến động tăng so tháng trước gồm: thịt bò (+0,52%); thịt chế biến (+0,22%); dầu mỡ ăn và chất béo (+0,48%); thủy sản chế biến (+1,31%); nước mắm nước chấm (+0,29%); đậu hạt các loại (+0,56%); rau tươi, khô các loại (+2,62%); đồ gia vị (+0,07%); đường mật các loại (+0,31%). Bên cạnh đó một số nhóm mặt hàng giảm so tháng trước: thịt heo (-0,40%); gia cầm (-0,83%); trứng các loại (-0,95%); thủy sản tươi sống (-0,24%); trái cây các loại (+0,96%)...Riêng nhóm hàng ăn uống ngoài gia đình tăng nhẹ 0,13% so tháng trước. Nếu so với đầu năm giá nhóm thực phẩm tăng 1,57% bình quân một tháng tăng xấp xỉ 0,14%.

**Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, VLXD** tăng 0,26% so tháng trước trong đó: Giá gas bình quân tăng 3,73%, dầu hỏa tăng 0,53%. Các mặt hàng như: điện, nước sinh hoạt, vật liệu xây dựng... giảm so tháng trước, các mặt hàng khác không biến động.

**Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình:** tăng 0,64% so tháng trước, chủ yếu là một số các mặt hàng thiết bị đồ dùng trong gia đình như: máy giặt, máy bơm nước, phụ kiện máy tính, đồ dùng nấu ăn bằng điện như: lò vi sóng, phích nước điện, bên cạnh đó các đồ dùng gia đình bằng kim loại, thủy tinh sành sứ, một số vật phẩm tiêu dùng khác... có giá giảm xấp xỉ từ 0,2 đến dưới 1%.

**Nhóm giao thông:** Giảm 0,36% so tháng trước chủ yếu do một vài dòng xe máy giảm nhẹ (-0,35%); phụ tùng ô tô (-0,29%); sắm lốp xe máy giảm 0,12%, giá xăng dầu bình quân giảm 0,76%, các mặt hàng khác như: cước máy bay, cước tàu hỏa, cước taxi, phụ tùng xe, dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng phương tiện đi lại... không biến động.

**So với tháng 11/2014, chỉ số giá tiêu dùng giảm 0,45%**, (chỉ số cùng kỳ là +2,41%). Trong đó có 4 nhóm giảm giá là giao thông (-12,55%); nhà ở điện nước chất đốt (-2,22%); bưu chính viễn thông (-0,16%); văn hóa giải trí (-0,49%); các nhóm còn lại đều tăng, cao nhất là nhóm dược phẩm và dịch vụ y tế (+5,46%).

**So với tháng 12/2014, chỉ số giá tiêu dùng giảm 0,09%** (chỉ số này cùng kỳ là +2,02%), 4 nhóm hàng hóa có mức giá giảm: nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD giảm 1,28%, nhóm giao thông giảm 9,32%, và nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,85% và nhóm văn hóa giải trí giảm 0,27%.

## 2.2. Giá vàng và giá đô la Mỹ

Giá vàng tháng 11 giảm 0,79% so với tháng trước, giảm 4,9% so với tháng 11/2014 và giảm 4,37% so tháng 12/2014.

Chỉ số USD tháng 11 giảm 0,49% so tháng trước, tăng 5,05% so tháng 11/2014 và tăng 4,49% so tháng 12/2014.

## V. XUẤT - NHẬP KHẨU

### 1. Xuất khẩu

**Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp thành phố ước thực hiện tháng 11 đạt 2.417,9 triệu USD, giảm 8% so tháng trước.**

**Ước tính 11 tháng đạt 27.753,7 triệu USD, giảm 3% so cùng kỳ. Loại trừ giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu 11 tháng đầu năm ước đạt 24.318 triệu USD, tăng 11,2%.**

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố xuất qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 11 đạt 2.445,7 triệu USD, tăng 5,9% so tháng trước. Trong đó: khu vực kinh tế trong nước 1.252,1 triệu USD, tăng 5,1%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 1.193,6 triệu USD, tăng 6,9%.

Ước tính 11 tháng đạt 24.923,2 triệu USD, giảm 6,9% so cùng kỳ. Loại trừ dầu thô ước đạt 21.487,5 triệu USD, tăng 7,2%. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 4.799,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 19,3%, giảm 42,6% (giảm 3.560,5 triệu USD);

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11.772,3 triệu USD, chiếm 47,2%, tăng 16% (tăng 1.619,5 triệu USD);

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 8.350,9 triệu USD, chiếm 33,5%, tăng 1% (tăng 85,1 triệu USD).

#### **Chia theo nhóm hàng (không kể dầu thô):**

- Nhóm hàng nông sản đạt 3.433,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 16%, giảm 11% so cùng kỳ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu gạo đạt 1.099,7 triệu USD, chiếm 5,1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm 12,3% so cùng kỳ; Cà phê đạt 504,2 triệu USD, giảm 26,7%; Hạt tiêu đạt 509,5 triệu USD, giảm 0,5%.

- Nhóm hàng thủy sản 623,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 2,9%, giảm 11,6%.

- Nhóm hàng công nghiệp 15.436,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 71,8%, tăng 14,5%. Trong đó hàng may mặc đạt 4.830,8 triệu USD, chiếm 22,5% trong tổng kim ngạch không kể dầu, tăng 2,4%; giày dép đạt 2.262,4 triệu USD, chiếm 10,5%, tăng 8,8%, máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 4.086,2 triệu USD, chiếm 19%, tăng 60,5%.

- Nhóm hàng lâm sản 415,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,9%, giảm 12%.

- Nhóm hàng hóa khác 1.577,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,3%, tăng 2,9%.

+ Riêng dầu thô: ước xuất 8.215,7 ngàn tấn, giảm 1,4%, về trị giá đạt 3.435,6 triệu USD, giảm 48,9%, do giá bình quân giảm 48,2% so cùng kỳ.

## **2. Nhập khẩu**

**Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp thành phố ước thực hiện tháng 11 đạt 2.835,3 triệu USD, giảm 4,3% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đạt 30.172,2 triệu USD, tăng 8,6% so cùng kỳ.**

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố nhập qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 11 ước đạt 2.727 triệu USD, tăng 3,8% so tháng trước. Trong đó: khu vực kinh tế trong nước đạt 1.639,3 triệu USD, tăng 3,4%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 1.087,7 triệu USD, tăng 4,4%.

Ước tính 11 tháng đạt 26.332,4 triệu USD, tăng 16,3% (+3.699,2 triệu USD). Chia ra:

+ Thành phần kinh tế Nhà nước đạt 1.427,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,4%, giảm 10,4%;

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 10.198,9 triệu USD, chiếm 38,7%, tăng 24,4%;

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước 14.706,2 triệu USD, chiếm 55,8%, tăng 14,5%.



Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 11 tháng 2015:

- + Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 441,5 triệu USD, giảm 3,6%.
- + Nhiên liệu: về lượng ước nhập 975,1 ngàn tấn, tăng 90,4%, và kim ngạch đạt 549,9 triệu USD, tăng 14,3% là do giá bình quân giảm 40%.
- + Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 776,1 triệu USD, tăng 4,5%.
- + Vải các loại nhập 2.174,7 triệu USD, tăng 3,6%
- + Sắt thép đạt 1.304,7 triệu USD, giảm 1,2%.
- + Tân dược đạt 1.113,2 triệu USD, tăng 23,9%.
- + Chất dẻo đạt 1.410,5 triệu USD, giảm 4,4%.

## VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 11 ước đạt 7.030 tỷ đồng, tăng 5,1% so với tháng trước. Ước tính 11 tháng đạt 66.918,3 tỷ đồng, tăng 17,3% so cùng kỳ 2014.

### Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 11 tháng 2015

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh với cùng kỳ năm 2014	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
<b>Tổng số</b>	<b>46.777,6</b>	<b>20.140,7</b>	<b>117,0</b>	<b>118,1</b>
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	5.653,4	1.287,1	94,9	106,7
Kinh tế ngoài nhà nước	40.882,5	15.581,6	120,9	116,3
Kinh tế có vốn nước ngoài	241,7	3.272,1	110,5	133,5
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	26.330,5	16.842,9	119,1	115,3
Đường sông	4.716,1	397,0	124,0	119,7
Đường biển	15.634,5		111,6	
Đường hàng không	96,5	2.900,8	162,2	137,7

- **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 11 ước đạt 5.199,6 tỷ đồng, tăng 6,1% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đạt 46.777,6 tỷ đồng, tăng 17% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 87,4%, tăng 20,9%; kinh tế nhà nước chiếm 12,1%, giảm 5,1%.

Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ chiếm tỷ trọng 56,3%, tăng 19,1%, đường biển chiếm tỷ trọng 33,4%, tăng 11,6%.

- **Vận tải hành khách:** doanh thu tháng 11 ước đạt 1.830,4 tỷ đồng, tăng 2,2% so tháng trước. Ước tính 11 tháng đạt 20.140,7 tỷ đồng, tăng 18,1% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 77,4%, tăng 16,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 16,2%, tăng 33,5%.

Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 16.842,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 83,6%, tăng 15,3%; Đường hàng không chiếm 14,4%, tăng 37,7%.

## VII. TÀI CHÍNH

### 1. Tài chính:

**Tổng thu ngân sách Nhà nước** 11 tháng ước thực hiện 249.435 tỷ đồng, đạt 93,1% dự toán, tăng 5,8% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 141.277 tỷ đồng, đạt 98,3%

dự toán, tăng 14,0% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 21.270 tỷ đồng, đạt 66,5% dự toán, giảm 27,6% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 84.500 tỷ đồng, đạt 93,9% dự toán, tăng 4,8% so cùng kỳ.

### Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2015 (Tỷ đồng)		% thực hiện 11 tháng năm 2015 so với	
	Dự toán	Ước TH 11 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2014
<b>Tổng thu</b>	<b>267.926</b>	<b>249.435</b>	<b>93,1</b>	<b>105,8</b>
<b>Tổng thu cân đối ngân sách NN</b>	<b>265.776</b>	<b>247.047</b>	<b>93,0</b>	<b>105,6</b>
I- Thu nội địa	143.776	141.277	98,3	114,0
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	28.200	26.152	92,7	105,8
2. Khu vực ngoài nhà nước	33.600	32.213	95,9	114,4
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	42.023	36.683	87,3	107,5
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	90.000	84.500	93,9	104,8
III- Thu từ dầu thô	32.000	21.270	66,5	72,4

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 18,5% tổng thu nội địa, tăng 5,8% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 16.053 tỷ đồng, đạt 89,4% dự toán, tăng 5,6% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 10.099 tỷ đồng, đạt 98,5% dự toán, tăng 6,0% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 32.213 tỷ đồng, tăng 14,4% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 36.683 tỷ đồng, tăng 7,5%. Thu khác 46.229 tỷ đồng, tăng 25,3% so cùng kỳ; trong đó thuế thu nhập cá nhân 19.148 tỷ đồng, tăng 15,1%, thu tiền sử dụng đất 10.367 tỷ đồng, tăng 30,7% so cùng kỳ.

**Thu ngân sách nhà nước địa phương 11 tháng ước đạt 69.990 tỷ đồng, đạt 130,3% dự toán, tăng 22,6% so cùng kỳ năm 2014.**

**Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 11 tháng ước thực hiện 44.034 tỷ đồng, đạt 80,6% dự toán, tăng 10,7% so cùng kỳ.**

### Chi ngân sách địa phương

	Năm 2015 (Tỷ đồng)		% thực hiện 11 tháng năm 2015 so với	
	Dự toán	Ước TH 11 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2014
<b>Tổng chi (trừ tạm ứng)</b>	<b>54.616</b>	<b>44.034</b>	<b>80,6</b>	<b>110,7</b>
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	21.375	18.868	88,3	113,3
Trong đó: trả lãi và vốn vay	4.416	4.395	99,5	119,7
II- Chi thường xuyên	31.500	23.709	75,3	106,0
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	4.210	2.685	63,8	112,8
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	8.759	6.813	77,8	105,3
Sự nghiệp y tế	3.127	2.795	89,4	107,1
Quản lý hành chính	4.942	4.041	81,8	109,1

Chi đầu tư phát triển 18.868 tỷ đồng, đạt 88,3% dự toán, tăng 13,3% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 23.709 tỷ đồng, đạt 75,3% dự toán, tăng 6,0% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 2.685 tỷ đồng, đạt 63,8% dự toán, tăng 12,8%; chi sự nghiệp

giáo dục đào tạo 6.813 tỷ đồng, đạt 77,8% dự toán, tăng 5,3%; chi sự nghiệp y tế 2.795 tỷ đồng, đạt 89,4% dự toán, tăng 7,1%; chi quản lý hành chính 4.041 tỷ đồng, đạt 81,8% dự toán, tăng 9,1% so cùng kỳ.

## 2. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 10/2015, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 309 gồm 308 mã cổ phiếu và 1 mã quỹ ETF, không thay đổi về số lượng mã cổ phiếu so với cuối tháng 09/2015 (ngày 07/10/2015 mã cổ phiếu BFC của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và mã cổ phiếu NAF của Công ty Cổ phần Nafoods Group giao dịch ngày đầu tiên; ngày 15/10/2015 hủy niêm yết mã cổ phiếu TTP của Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến; ngày 28/10/2015 hủy niêm yết mã cổ phiếu NHS của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa)

Giá trị vốn hóa thị trường là 1.199.135,29 tỷ đồng, tăng 21,7% so với cuối năm 2014. Trong tháng 10/2015 có 22 phiên giao dịch, 13 phiên tăng điểm và 9 phiên giảm điểm. Trong tháng 10, VN-Index có xu hướng tăng khá vững chắc khi các phiên giảm không ảnh hưởng nhiều. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 607,37 điểm, tăng 11,3% (tương ứng tăng 44,73 điểm) so với cuối tháng trước và tăng 11,3% (tương ứng tăng 61,74 điểm) so với cuối năm 2014.

Khối lượng giao dịch của tháng 10/2015 đạt 2.631,22 triệu chứng khoán, tăng 33,5% so với tháng trước. Giá trị giao dịch của tháng đạt 47.340,68 tỷ đồng, tăng 40,2% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 119,60 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 2.151,85 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 27,5% và giá trị giao dịch tăng 33,8% so với tháng trước.

Từ đầu năm đến cuối tháng 09/2015, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 24/08 với 526,93 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 14/07 với 638,69 điểm.

### Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 10/2015	10 tháng năm 2015	Tháng 10 so tháng 09	10 tháng so cùng kỳ
<b>Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)</b>	<b>2.631,22</b>	<b>22.859,49</b>	<b>133,5</b>	<b>90,8</b>
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	2.614,81	22.789,96	133,3	90,7
Trái phiếu	12,16	37,53	418,1	153,8
Chứng chỉ quỹ & ETF	4,25	32,00	69,3	252,4
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.305,10	20.685,26	135,2	87,9
Giao dịch thỏa thuận	326,12	2.174,23	122,5	133,3
<b>Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)</b>	<b>47.340,68</b>	<b>394.731,26</b>	<b>140,2</b>	<b>89,7</b>
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	46.024,73	390.643,92	137,7	89,3
Trái phiếu	1.274,91	3.783,73	456,0	169,3
Chứng chỉ quỹ & ETF	41,04	303,61	72,3	239,3
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	39.887,03	339.426,55	144,1	88,0
Giao dịch thỏa thuận	7.453,65	55.304,71	122,4	101,6

Cập nhật đến ngày 13/11/2015, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 310 chứng khoán. Giá trị vốn hóa thị trường là 1.207.882,73 tỷ đồng, tăng 22,6% so với cuối năm 2014. VN-Index tại ngày 13/11/2015 đạt 611,27 điểm, tăng 65,64 điểm so với cuối năm 2014 (tương ứng tăng 12,0%).

## VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

### 1. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/9/2015 đến ngày 15/10/2015)

#### \* Vi phạm kinh tế, môi trường:

Trong tháng đã khám phá 116 vụ vi phạm kinh tế trong đó bao gồm: buôn bán, vận chuyển hàng ngoại nhập lậu (07 vụ); buôn bán, vận chuyển hàng cấm (47 vụ); kinh doanh hàng hóa không hóa đơn, chứng từ (20 vụ); sản xuất, buôn bán hàng giả, vi phạm sở hữu công nghiệp (05 vụ); kinh doanh trái phép, trốn thuế (34 vụ); lừa đảo chiếm đoạt tài sản (03 vụ). Thu giữ nhiều loại hàng hóa trị giá khoảng 18,5 tỷ đồng. Khởi tố 02 vụ 02 đối tượng; xử phạt hành chính 111 vụ 80 đối tượng, phạt tiền khoảng 1,6 tỷ đồng.

Trong tháng cũng phát hiện, lập biên bản xử lý 35 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Ra quyết định xử lý vi phạm hành chính 20 vụ (cộng các vụ tồn tháng trước), thu về ngân sách khoảng 1,4 tỷ đồng.

#### \* Phạm pháp hình sự:

Đã xảy ra 595 vụ phạm pháp hình sự so với cùng kỳ năm trước giảm 4,3% (-27 vụ); làm chết 09 người, bị thương 95 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 15,3 tỷ đồng. Các vụ phạm pháp hình sự chủ yếu là: giết người 10 vụ, cướp tài sản 18 vụ, cưỡng đoạt tài sản 03 vụ, cố ý gây thương tích 71 vụ, cướp giết 88 vụ, trộm cắp tài sản 317 vụ, chống người thi hành công vụ 06 vụ, lừa đảo – lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 57 vụ, hiếp dâm 04 vụ, giao cấu trẻ em 09 vụ, khác 12 vụ.

Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá nhanh là 392 vụ (đạt 65,9%) và bắt 395 người vi phạm.

#### \* Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội:

\* **Ma túy:** Đã khám phá 99 vụ, bắt 219 tên có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Đã khởi tố 77 vụ 117 người vi phạm; xử lý hành chính 22 vụ với 102 người vi phạm.

\* **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Xử lý 05 vụ, 20 đối tượng tổ chức, mua bán dâm, lập biên bản 55 cơ sở vi phạm kinh doanh không phép, hoạt động quá giờ, sử dụng tiếp viên không hợp đồng lao động của các cơ sở dịch vụ giải trí.

\* **Cờ bạc, cá độ:** Đã khám phá, xử lý 26 vụ 129 đối tượng tổ chức cờ bạc, thu khoảng 177 triệu đồng và một số công cụ, phương tiện phạm tội khác.

#### \* Trật tự an toàn giao thông

Đã xảy ra 358 vụ tai nạn giao thông đường bộ so với cùng kỳ năm trước tăng 2,3% (+08 vụ); làm chết 66 người, bị thương 312 người. Trong đó: có 83 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên so với cùng kỳ giảm 7,8% (-07 vụ) và 02 vụ tai nạn giao thông rất nghiêm trọng so với cùng kỳ giảm 60% (-03 vụ).

Đã lập biên bản xử lý 44.448 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tước giấy phép lái xe 6.864 trường hợp, tạm giữ 5.434 xe các loại,... chuyên kho bạc nhà nước thu khoảng 20 tỷ đồng.

Tai nạn giao thông đường sắt xảy ra 02 vụ, làm chết 02 người (so với cùng kỳ tăng 02 vụ và tăng 02 người chết).

Tai nạn giao thông đường thủy xảy ra 02 vụ va chạm giao thông đường thủy trên tuyến thủy nội địa, không thiệt hại về người.

#### **\* Tình hình cháy, nổ**

Trên địa bàn thành phố đã xảy ra 40 vụ cháy so với cùng kỳ năm trước giảm 46,7% (-35 vụ); Không có thiệt hại về người, bị thương 01 người, thiệt hại về tài sản trị giá khoảng trên 25 tỷ đồng (08 vụ chưa ước tính được thiệt hại thành tiền). Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố và vi phạm quy định trong sử dụng điện.

Trong tháng trên địa bàn thành phố xảy ra 01 vụ nổ, so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước tăng 01 vụ; Không có người chết và bị thương, thiệt hại về tài sản khoảng 6 triệu đồng. Nguyên nhân đang phối hợp với cơ quan chức năng điều tra làm rõ.

#### **2. Tình hình giải quyết việc làm**

Trong tháng 11/2015, các quận - huyện và đơn vị dịch vụ việc làm đã giải quyết việc làm cho 23.165 lao động, giảm 3,53% so với tháng trước đó. Trong đó, 15.328 lao động có việc làm ổn định (chiếm khoảng 66,17% so với tổng số lao động được giải quyết việc làm). Số chỗ việc làm mới tạo ra là 11.784 chỗ. Như vậy, trong 11 tháng đầu năm 2015 đã có 270.244 lượt người được giải quyết việc làm đạt 101,98% so với kế hoạch, số chỗ việc làm mới tạo ra là 112.553 chỗ làm đạt 93,79% so với kế hoạch. So với cùng kỳ năm 2014, giải quyết việc làm tăng 4.073 lượt người, số chỗ việc làm mới tăng 1.907 chỗ.

#### **3. Thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp**

Từ ngày 01/10 đến ngày 30/10, trên địa bàn thành phố có: 8.602 người đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký và nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; 9.508 người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp; 7.741 người được tư vấn – giới thiệu việc làm; 1.497 người được hỗ trợ học nghề.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 11 và 11 tháng năm 2015.